

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **283/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: **29 – 11 – 2022**

V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp.

2. Ông Huỳnh Hoàng Khởi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 612/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2022, về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 326/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Đình P(Nhí), sinh năm: 1988 (Có mặt).

Nơi cư trú: Khóm E, phường Tân X, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh Trần Thái T; Sinh năm: 1984 (Có mặt).

Nơi cư trú: Nhà trọ Tân X, Số 130, đường Lê Đức T, khóm R, phường Tân X, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của chị Trần Đình P là nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Thái T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân X, thành phố Cà Mau vào ngày 16/11/2012. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến đầu năm 2019 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị là do anh T tính tình rất nóng, gia trưởng hay ghen tuông mù quáng dẫn đến chửi bới, xúc phạm vợ, con. Anh T còn nhiều lần đuổi chị ra khỏi nhà, kêu chị viết đơn ly hôn nhiều lần, mâu thuẫn giữa vợ chồng cha mẹ hai bên có tổ chức hòa giải hàn gắn nhưng không thành. Anh chị đã ly thân từ đầu tháng 7 năm 2022 cho đến nay. Do đó, chị P xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có một người con chung tên Trần Nhật L, sinh ngày 02/12/2013, hiện đang sống cùng chị. Khi ly hôn chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị P xác định có nhưng vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và người khác nợ lại: Chị P khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại anh chị.

Tại bản tự khai và lời trình bày của anh Trần Thái T trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân: Anh T xác định về thời gian chung sống, nơi đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, ly thân như lời chị P trình bày là đúng. Nay chị P xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn vì anh còn thương vợ, thương con rất nhiều, bản thân anh cũng thấy được những lỗi lầm mà mình gây ra cho vợ, anh chỉ muốn chị P cho anh thời gian để anh sửa đổi bản thân để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con.

Về con chung: Anh chị có một người con chung tên Trần Nhật L, sinh ngày 02/12/2013, hiện đang sống cùng chị P. Khi ly hôn anh đồng ý giao con cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh P xác định có nhưng vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và người khác nợ lại: Anh P khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại anh chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa chị P, anh T là tranh chấp về ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Đình P và anh Trần Thái T xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 16/11/2012 tại Ủy ban nhân dân phường Tân X, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, có đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống anh, chị có nhiều mâu thuẫn. Xét mâu thuẫn thực tế trong cuộc sống giữa anh, chị là có thật, nhận thấy về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong cuộc sống vợ chồng anh, chị thường xuyên mâu thuẫn, không quan tâm, chăm sóc, quý trọng nhau. Anh, chị xảy ra mâu thuẫn nhiều năm, xúc phạm nhau nhiều lần, mỗi người sống một nơi. Trong khoảng thời gian này anh, chị không ai có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng và cũng không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ ai. Tại phiên tòa chị P cương quyết ly hôn, nếu không được xem xét chấp nhận cho chị ly hôn thì chị cũng không đoàn tụ, chung sống với anh T được nữa vì tình cảm vợ chồng không còn, anh T đã làm chị tổn thương sâu sắc, chị đã cho anh nhiều cơ hội nhưng anh T không chịu sửa đổi. Anh T không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, anh thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, do lúc đó anh giận nên anh có đuổi vợ anh 04 lần, kêu vợ viết đơn ly hôn cũng 04 lần. Hiện anh muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh không có biện

pháp gì để hàn gắn, chị P thì cương quyết không hàn gắn tình cảm với anh. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận cho chị P được ly hôn với anh T là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh chị có một người con chung tên Trần Nhật L, sinh ngày 02/12/2013, hiện đang sống cùng chị P. Khi ly hôn anh chị thỏa thuận giao con cho chị P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị P, anh T xác định có nhưng anh, chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung và người khác nợ lại: Chị P, anh T khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Đình P về việc xin ly hôn anh Trần Thái T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Nhật L, sinh ngày 02/12/2013 cho chị Phương trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị P, anh T xác định có nhưng anh, chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị P, anh T khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị P phải chịu 300.000 đồng. Ngày 27 tháng 10 năm 2022, chị P đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0002300 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị P, anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND Tp Cà Mau;
- UBND phường Tân Xuyên,
Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Lê Thúy Dung